

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/DS-ST

Ngày: 21/9/2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các hội thẩm nhân dân: - Bà Bùi Thị Hà

- Ông Hoàng Duy Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST-DS ngày 06/9/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đỗ Văn Đ (có mặt)

Địa chỉ: Buôn M, xã ET, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- **Bị đơn:** Lê Hữu Q (có mặt), bà Trần Thị T (có mặt)

Địa chỉ: Buôn EK, xã ET, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị Đ1 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn M, xã ET, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- **Người làm chứng:**

+ Ông Trần Trọng X (vắng mặt - có đơn từ chối tham gia tố tụng)

Địa chỉ: Buôn TL, xã ET, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

+ Bà Hoàng Thị H (vắng mặt - có đơn từ chối tham gia tố tụng)

Địa chỉ: Buôn EK, xã ET, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ trình bày:**

Bắt đầu từ năm 2017 ông Q, bà T bắt đầu vay tiền của vợ chồng tôi, vay làm nhiều lần, mỗi lần vay đều ký giấy nợ, sau khi ông Q, bà T trả nợ thì tôi xé bỏ giấy nợ cũ. Đến năm 2019-2020 số nợ của ông Q, bà T nợ tôi tổng cộng là hơn 500.000.000 đồng tiền nợ gốc. Ngày 10/7/2020 ông Trần Trọng X có trả cho tôi số tiền 110.000.000 đồng thay cho ông Q, bà T. Đến ngày 25/12/2020 bà

Hoàng Thị H có đến trả cho tôi số tiền 100.000.000 đồng thay cho ông Q, bà T.

Vào ngày 28/12/2020 âm lịch giữa tôi và ông Q, bà T tính toán nợ cũ và chốt sổ thì số tiền ông Q, bà T còn nợ tôi số tiền nợ gốc là 343.700.000 đồng và tiền lãi là 69.000.000 đồng. Ông Q, bà T đã viết 02 giấy vay tiền cho tôi. Giấy thứ nhất ngày 28/12/2020 âm lịch là khoản vay 343.7000.000 đồng, hẹn trả vào ngày 20/12/2021 âm lịch trả cả gốc và lãi, lãi suất 20%/năm. Do tính toán nhầm nên bà T có viết nội dung đã trả 5.000.000 đồng ở mặt sau của giấy vay tiền. Do đó đối với khoản nợ gốc này ông Q, bà T còn nợ tôi số tiền gốc là 338.700.000 đồng. Giấy vay thứ hai cũng đề ngày 28/12/2020 âm lịch là khoản vay 69.000.000 đồng, đây là tiền lãi các khoản vay trước ngày 28/12/2020 ông Q, bà T còn nợ tôi, ông Q, bà T hẹn trả vào ngày 28/3/2021, lãi suất là 20%/năm.

Tôi yêu cầu ông Q, bà T trả cho tôi số tiền nợ gốc là 407.700.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận kể từ ngày 28/12/2020 cho đến khi trả hết nợ.

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị T, ông Lê Hữu Q trình bày:***

Chúng tôi có vay cho chị gái tôi là Trần Thị S vay của vợ chồng ông Đỗ Văn Đ một số tiền là 270.000.000 đồng tiền gốc nhưng vay lãi nóng trong khi tôi đã trả cho ông một bộ bàn ghế trị giá 100.000.000 đồng, với cháu Trần Trọng S đã đưa được 100.000.000 đồng tiền mặt, tôi đã đưa cho ông Đ số tiền 40.000.000 đồng, em họ tôi là bà Hoàng Thị H trả cho Đ số tiền 50.000.000 đồng thay cho tôi.

Sau đó chị gái tôi đã phá sản không có khả năng trả cho tôi để tôi trả cho ông Đ nữa, ông tính lãi lên bao nhiêu thì tôi cũng đồng ý trả nhưng tôi vì điều kiện chưa trả được chứ tôi cũng không nói là không trả cho ông Đ.

Chúng tôi thừa nhận chữ ký, chữ viết trong 02 giấy vay tiền ngày 28/12/2020 với số tiền 343.700.000 đồng và số tiền 69.000.000 đồng là do vợ chồng tôi viết và ký ra, tuy nhiên ngoài 02 giấy này thì còn 01 giấy vay số tiền khoảng 190.000.000 đồng được viết cùng với giấy vay số tiền 69.000.000 đồng. Đối với giấy ghi số tiền 190.000.000 đồng thì ông Đ là người giữ giấy này.

**** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Đ1 trình bày:***

Qua thời gian quen biết với vợ chồng ông T, Q trú tại Buôn EK, xã ET, huyện C, vào ngày 28/12/2020 vợ chồng tôi có cho ông Lê Hữu Q và bà Trần Thị T vay với số tiền 407.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, tổng số tiền lãi 24 tháng là 162.400.000 đồng, tổng số tiền là 570.000.000 đồng. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án để gia đình tôi lấy lại số tiền nêu trên

**** Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Trần Trọng X trình bày:***

Tôi là cháu bà Trần Thị T, ngày 16/7/2020 cô T có đưa cho tôi số tiền là 110.000.000 đồng để trả cho chú Đ, cô Đ1 thay cho cô T, chú Q. Khi giao tiền cho chú Đ thì tôi không lập giấy tờ gì, tôi chỉ biết là cô T, chú Q có nợ tiền của

chú Định, cô Đ1 còn số tiền cụ thể là bao nhiêu thì tôi không biết và không liên quan tới số tiền vay mượn giữa hai hai bên.

*** *Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng bà Hoàng Thị H trình bày:***

Trước năm 2020 vợ chồng tôi nợ vợ chồng anh chị T, Q một số tiền, trước sự tính toán của chị T vợ chồng tôi còn nợ lại số tiền là 100.000.000 đồng, anh chị không đòi nhưng vợ chồng tôi thấy có trách nhiệm phải lo trả cho nên trước khi lo trả cho vợ chồng anh chị T, Q thì tôi có hỏi vợ chồng anh chị Đ, Đ1 để trả cho anh chị T Q nhưng anh chị Đ, Đ1 nói không còn, vợ chồng T, Q chưa trả vậy nên chúng tôi nảy sinh ý kiến đường nào anh chị T Q cũng phải trả cho anh Đ Đ1 thì vợ chồng tôi hỏi xem anh chị Thanh đồng ý chuyển sang cho vợ chồng anh chị Đ Đ1 không. sau khi tôi điện thoại cho chị T thì chị T đồng ý chuyển sang cho vợ chồng tôi trả thay cho cho chị T sang chị Định, Đ1 với số tiền 100.000.000 đồng nên khi anh chị T Q đồng ý thì vợ chồng tôi đã viết giấy thiếu nợ với anh Đ vào ngày 25/12/2020 âm lịch tại gia đình anh chị Đ1.

Sau thời gian tôi có suy nghĩ và tính toán lại và đã nói với chị T là em không nợ anh chị đến 100.000.000 đồng do tính toán nhầm lẫn ở chỗ chị T nhờ người tính nên tôi đã tính lại chỉ còn nợ chị T khoảng 50.000.000 đồng, tôi nói với chị T thì chị T nói cứ để đó đi rồi tính sau, rồi từ đó đến nay chị em cũng chưa tính lại.

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho ông số tiền nợ gốc 407.700.000 đồng và tiền lãi suất 20%/năm.

Bị đơn trình bày ông bà có nợ tiền ông Đ nhưng không nợ nhiều như vậy, hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên chưa trả được số tiền nợ cho ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn còn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ buộc bị đơn ông Lê Hữu Q, bà Trần Thị T phải trả số tiền nợ gốc là 407.700.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cư M'gar,

tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng ông Trần Trọng X, bà Hoàng Thị H vắng mặt tuy nhiên ông bà đã có đơn từ chối tham gia tố tụng và xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo giấy vay tiền đề ngày 28/12/2020 (âm lịch) tương ứng với ngày 09/02/2021 dương lịch thì ông Đỗ Văn Đ cho vợ chồng ông Lê Hữu Q, bà Trần Thị T vay số tiền 343.700.000 đồng, thời hạn trả là ngày 20/12/2021 (âm lịch) tương ứng với ngày 22/01/2022 dương lịch, tại mục người vay có chữ ký, chữ viết tên của ông Q, bà T. Cùng ngày ông Q, bà T đã trả được 5.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền 338.700.000 đồng

Theo giấy vay tiền đề ngày 28/12/2020 (âm lịch) tương ứng với ngày 09/02/2021 dương lịch thì ông Đỗ Văn Đ cho vợ chồng ông Lê Hữu Q, bà Trần Thị T vay số tiền 69.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 28/3/2021 (âm lịch) tương ứng với ngày 09/5/2021 dương lịch, tại mục người vay có chữ ký, chữ viết tên của ông Q, bà T. Đối với số tiền 69.000.000 đồng tại giấy vay này thì các bên đương sự đều thừa nhận là tiền lãi của số tiền 343.700.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định là tiền lãi chứ không phải tiền vay.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Hữu Q, bà Trần Thị T thừa nhận chữ ký, chữ viết tên trong 02 giấy nêu trên là do ông bà ký và viết ra, ông bà thừa nhận vay tiền của vợ chồng ông Đỗ Văn Đ, bà Vũ Thị Đ1 nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà chưa trả được tiền cho ông Đ, bà Đ1 theo thời gian đã thỏa thuận trong giấy.

Quá trình giải quyết vụ án ông Q, bà T trình bày ông bà vay tiền của ông Đ, bà Đ1 nhiều lần và đã trả nhiều lần trong đó có nhờ bà Hoàng Thị H trả thay 100.000.000 đồng, ông Trần Trọng X trả thay 110.000.000 đồng và ông bà dùng 1 bộ bàn ghế trị giá 100.000.000 đồng để trừ nợ cho ông Đ. Nguyên đơn ông Đ thừa nhận lời trình bày trên của ông Q, bà T là đúng tuy nhiên bộ bàn ghế và số tiền ông X, bà H trả thay là những khoản tiền mà ông Q, bà T đã nợ trước đó chứ không liên quan đến số tiền 347.000.000 đồng vì số tiền này được ông và ông Q, bà T chốt lại và viết giấy vào ngày 28/12/2020 âm lịch. Lời trình bày của ông Đ phù hợp với lời trình bày của ông X, bà H về thời gian ông bà trả nợ thay cho ông Q, bà T đối với ông Đ. Do đó không có căn cứ để xác định bộ bàn ghế và số tiền mà bà H, ông X trả cho ông Đ là để trả cho số tiền 343.700.000 đồng.

Khi đến thời hạn trả tiền theo thỏa thuận trong giấy vay tiền nhưng bị đơn ông Lê Hữu Q, bà Trần Thị T không trả tiền cho ông Đỗ Văn Đ, bà Vũ Thị Đ1 là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của người vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Về tiền lãi:

+ Đối với giấy vay tiền đề ngày 28/12/2020 (âm lịch) tương ứng với ngày 09/02/2021 dương lịch với số tiền 338.700.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng các bên thỏa thuận lãi suất là 20%/năm, mức lãi suất này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận để tính tiền lãi:

Thời gian tính lãi là từ ngày 09/02/2021 đến thời điểm xét xử ngày 21/9/2023, cụ thể: $338.700.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 02 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 177.621.054 \text{ đồng}$

+ Đối với giấy vay tiền đề ngày 28/12/2020 (âm lịch) tương ứng với ngày 09/02/2021 dương lịch với số tiền 69.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng các bên thỏa thuận lãi suất chậm trả là 20%/năm, mức lãi suất này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận số tiền này là tiền lãi của khoản tiền 343.700.000 đồng trước thời điểm viết giấy ngày 28/12/2020 (âm lịch) chứ không phải tiền vay mới. Do đó, mức lãi suất các bên thỏa thuận về lãi suất chậm trả là 20%/năm vượt quá mức quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự là 10%/năm. Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 10%/năm để tính tiền lãi như sau:

Thời gian tính lãi là từ ngày 09/02/2021 đến thời điểm xét xử ngày 21/9/2023, cụ thể: $69.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 02 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 17.997.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền lãi mà ông Lê Hữu Q, bà Trần Thị T phải trả cho vợ chồng ông Đỗ Văn Định, bà Vũ Thị Đuộm là $177.621.054 \text{ đồng} + 17.997.000 \text{ đồng} + 69.000.000 \text{ đồng} = 264.618.054 \text{ đồng}$

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ là có căn cứ nên cần chấp nhận buộc bị đơn ông Lê Hữu Q, bà Trần Thị T phải trả cho ông Đ số tiền nợ gốc là 338.700.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 264.618.054 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định pháp luật, cụ thể: $20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times (603.318.054 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) = 28.132.722 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 357; Điều 430; Điều 440; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ

Buộc ông Lê Hữu Q, bà Trần Thị T phải trả cho ông Đỗ Văn Đ, bà Vũ Thị Đ1 số tiền 603.318.054 đồng (trong đó: Nợ gốc là 338.700.000 đồng, nợ lãi là 264.618.054 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 20%/năm.

[2] Về án phí:

- Ông Lê Hữu Q, bà Trần Thị T phải chịu 28.132.722 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Đỗ Văn Đ số tiền 13.402.000 đồng mà ông đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0014122 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự

